

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-3-2021).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ninh K - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Ninh K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13-5-2020 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên gây cãi nhau, mặc dù đã cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả. Ông

T và bà K không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Hiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Ninh K.
- Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị Ninh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa ông T và bà K đã trầm trọng, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Huỳnh Thị Ninh K. Bà K cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông T: ông T và bà K xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 13-5-2020 tại UBND thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà K là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau là phù hợp với nội dung đơn xin xác nhận ngày 04-3-2021. Tòa án đã triệu tập bà K để hòa giải hai lần nhưng bà K vẫn vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì vậy không có cơ hội cho ông T và bà K đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: ông T cho rằng ông và bà K không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T cho rằng ông và bà K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà K vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa ông T và bà K có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp. Bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Huỳnh Thị Ninh K về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ninh K.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008961 ngày 08-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Thành (*ghi số hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên